

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/04/2025
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Luận;

Ông Phạm Ngọc Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Mai - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2024/TLST - HNGĐ, ngày 07/10/2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXX-ST ngày 21 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn : Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Thôn B, xã N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình. Nơi tạm trú: thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1990. Nơi thường trú: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: có mặt chị T; vắng mặt không có lý do anh Tuấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:* chị và anh Nguyễn Tuấn A kết hôn với nhau năm 2010, có được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, thành phố N (nay là thành phố H), tỉnh Ninh

Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 10 năm đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Tuấn A chơi bời cờ bạc trên mạng và nợ tiền nhiều người, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong cuộc sống. Chị và gia đình đã khuyên bảo, trả nợ cho anh Tuấn A nhiều lần, cho anh Tuấn A nhiều cơ hội để sửa sai nhưng anh Tuấn A không thay đổi, mỗi lần bực tức anh Tuấn A chửi bới, đe dọa giết chị. Từ tháng 7 năm 2023 vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng, anh Tuấn A thường xuyên xúc phạm chị, có hành vi bạo lực cầm dao đe dọa, vì con chị và anh Tuấn A vẫn sống chung nhà nhưng ly thân, không quan hệ vợ chồng với nhau. Tháng 10 năm 2024 chị xác định vợ chồng không thể chung sống được với nhau nên chị đã đưa 2 con là T1 và D về nhà ngoại ở Thanh Hóa sinh sống. Cho đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không cải thiện được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 22/12/2011, cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 21/11/2017 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/7/2022. Hiện nay 2 cháu T1 và D đang ở với chị còn cháu B đang ở với anh Tuấn A. Khi ly hôn chị đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cháu T1 và cháu D còn anh Tuấn A chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B theo nguyện vọng của các cháu.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: do mỗi người đều nuôi con và chị đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng 02 con nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết về cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 10/10/2024 anh Nguyễn Tuấn A trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn giống như chị T đã khai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân mâu thuẫn là do một thời gian anh mãi chơi, không chăm lo cho vợ con nên giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng có to tiếng, lời qua tiếng lại, trong lúc nóng nảy anh có dọa đánh vợ nhưng anh chưa đánh lần nào. Mâu thuẫn vợ chồng chỉ là mâu thuẫn nhỏ anh đã sửa sai, chịu khó làm việc để lo cho vợ con. Chị T có đơn xin ly hôn anh, quan điểm của anh, anh vẫn còn tình cảm với vợ và muốn hai vợ chồng cùng chung sống nuôi dạy các con nên đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nếu không thể hòa giải được mà chị T vẫn quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung họ tên và ngày tháng năm sinh của các cháu giống như chị T đã khai. Nếu phải ly hôn nguyện vọng của anh vì cháu D còn nhỏ thì để chị T nuôi dưỡng còn anh sẽ nuôi dưỡng 02 cháu Nguyễn Thái B và Nguyễn Đức T1. Về cấp dưỡng cho con thì không ai phải cấp dưỡng cho ai.

Về tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng anh tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Tại phiên tòa:* Chị T trình bày: chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Vợ chồng chị sống ly thân, không có khả năng hàn gắn được, anh Tuấn A cũng có quan điểm nếu chị cương quyết ly hôn thì anh ấy cũng nhất trí nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A; chị không nhất trí với ý kiến của anh Tuấn A về việc giao cháu T1 cho anh Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng mà chị yêu cầu Tòa án giao 02 cháu D và T1 cho chị chăm sóc nuôi dưỡng vì 2 cháu đang ở với chị và các cháu đang học tại Thanh Hóa còn giao cháu B cho anh Tuấn A chăm sóc nuôi dưỡng vì cháu đang học và ở cùng với bố và ông nội tại Ninh Bình. Hiện nay chị làm ở Công ty TNHH A2 có địa chỉ tại Thanh Hóa thu nhập khoảng 7.500.000 đồng – 8.000.000 đồng ngoài ra chị còn đi gói bánh thuê thu nhập đảm bảo để nuôi các con và từ trước đến nay anh Tuấn A thì thoảng mới đưa tiền cho chị còn chị tự làm để trang trải cuộc sống cho cả gia đình, chị không biết anh Tuấn A hiện đang làm việc ở đâu, khi chị về nhà ngoại sinh sống có 1 lần anh Tuấn A đưa 1 triệu đồng cho cháu B để cho 2 cháu D và T1. Tòa án có giải thích cho chị về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do mỗi bên đều nuôi con, chị đảm bảo được việc nuôi con nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, điều 234 BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Quan điểm về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82; 83; 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc “Ly hôn, trach chấp về nuôi con khi ly hôn” với anh Nguyễn Tuấn A.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 21/11/2017 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/7/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 22/12/2011 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T, anh Tuấn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: chị T và anh Tuấn A đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002326 ngày 04/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là Chi cục thi hành án thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Tuấn A, có nơi cư trú tại xã N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập để anh Nguyễn Tuấn A đến Tòa án tham gia phiên tòa nhưng anh Tuấn A vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Tuấn A và giải quyết vụ án trên cơ sở tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp, Tòa án thu thập được.

- Về việc thay thế Hội thẩm nhân dân: Do 01 Hội thẩm nhân dân tham gia phiên tòa ngày 19/3/2025 không tham gia xét xử vụ án được nên tại phiên tòa hôm nay vụ án được xét xử lại từ đầu là phù hợp với quy định tại Điều 226 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Lê Thị T và anh Nguyễn Tuấn A xác lập quan hệ

hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện, thủ tục kết hôn, có đăng ký kết hôn năm 2010 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T và anh Tuấn A chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh Tuấn A chơi bời cờ bạc trên mạng, nợ tiền nhiều người, vợ chồng bất đồng quan điểm sống về mọi vấn đề trong cuộc sống. Chị và gia đình đã khuyên bảo, trả nợ cho anh Tuấn A nhiều lần, cho anh Tuấn A nhiều cơ hội để sửa sai nhưng anh Tuấn A không thay đổi, chửi bới, đe dọa giết chị. Tháng 10 năm 2024 chị T đã đưa 2 cháu T1 và D về nhà ngoại ở Thanh Hóa sinh sống. Anh Tuấn A1 cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do anh mãi chơi, không chăm lo cho vợ con, đe dọa đánh vợ nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ anh đã sửa sai, chịu khó làm ăn lo cho vợ con. Chị T xác định vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn nhau. Anh Tuấn A1 mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nếu không thể hòa giải được thì anh cũng đồng ý ly hôn. Anh Tuấn mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng khi Tòa án thông báo, triệu tập, anh Tuấn A1 đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án chứng tỏ anh Tuấn A1 không có thiện chí mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân, bỏ mặc hậu quả. Việc anh Tuấn A1 cờ bạc, nợ tiền đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống tinh thần, vật chất của các thành viên trong gia đình, vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

UBND xã N, thành phố H cung cấp: trong quá trình sinh sống anh Tuấn A1 chơi bời, nợ nần nhiều người, có lần có người đến tận nhà đòi nợ, hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau. Chị T và anh Tuấn A1 sống ly thân với nhau khoảng hơn 1 năm nay, khoảng 3-4 tháng trở lại đây chị T bỏ về quê ngoại sống. Hai cháu nhỏ ở với mẹ ở quê ngoại còn cháu lớn ở với anh Tuấn A1. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Tuấn A1 là có thật, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng đã sống ly thân, không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, cho chị T được ly hôn anh Tuấn A1 là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: chị T và anh Tuấn A1 có 03 con chung là cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 22/12/2011, cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 21/11/2017 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/7/2022. Hiện nay 2 cháu T1 và D đang ở với chị T còn cháu B đang ở với anh Tuấn A1. Khi ly hôn chị T yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu T1 và cháu D còn anh Tuấn A1 chăm sóc nuôi dưỡng cháu B. Anh Tuấn A1 yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cháu B và cháu T1 còn để chị T chăm sóc nuôi dưỡng cháu D. Xét thấy chị T có công việc ổn định, có thu nhập, có

điều kiện đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng các con và theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì cháu D dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi; cháu B đang học ở Trường THCS N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình có nguyện vọng ở với bố, cháu T1 đang học tại Trường tiểu học T2, huyện T, tỉnh Thanh Hóa có nguyện vọng ở với mẹ nên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các cháu, bảo đảm sự ổn định, không làm xáo trộn môi trường sống, giáo dục của các cháu cần giao 2 cháu D và cháu T1 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu B cho anh Tuấn A1 trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Tòa án đã giải thích cho chị T việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các con nhưng chị T không yêu cầu anh Tuấn A1 cấp dưỡng vì hai bên đều nuôi con. Xét thấy chị T có thu nhập, có điều kiện nuôi dưỡng, việc chị T không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, anh Tuấn A1 cũng có ý kiến như chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Do đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị T là người khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 226; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 51, 56, 58, 81; 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Nguyễn Tuấn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Thu ly H anh Nguyễn Tuấn A.

2. Về con chung:

Giao 02 cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 21/11/2017 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/7/2022 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Giao cháu Nguyễn Thái B, sinh ngày 22/12/2011 cho anh Nguyễn Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

Đều kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Do mỗi bên đều nuôi con, chị T, anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Anh Tuấn A1, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp trong biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án biên lai số 0002326 ngày 04/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình (nay là thành phố H), tỉnh Ninh Bình.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP Hoa Lư;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADSTP Hoa Lư;
- UBND xã Ninh Nhất, TP Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.
- Các đương sự;
- Lưu án văn..

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu hồ sơ;

Giang Thị Thúy Thu